

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 71

*Phẩm Thứ Tư: LUẬN VỀ THẬP MÔN*

### LUẬN VỀ THẬP MÔN (Phần 1)

Hai mươi hai căn, cho đến chín mươi tám thù miên, bốn mươi hai chương như vậy và giải thích về nghĩa của chương đã lãnh hội rồi, cần phải phân biệt rộng ra.

Hai mươi hai căn, đó là Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn, Thân căn, Nữ căn, Nam căn, Mạng căn, Ý căn, Lạc căn, Khổ căn, Hỷ căn, Ưu căn, Xả căn, Tín căn, Tinh tiến căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn, Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn và Cụ tri căn. Phân biệt rộng về căn này, như phẩm luận về căn trong chương căn Uẩn ở sau.

Mười tám Giới, đó là Nhân giới-Sắc giới-Nhãn thức giới, Nhĩ giới-Thanh giới-Nhĩ thức giới, Tỷ giới-Hương giới-Tỷ thức giới, Thiệt giới-Vị giới-Thiệt thức giới, Thân giới-Xúc giới, Thân thức giới, Ý giới-Pháp giới-Ý thức giới.

Giới này trong kinh cũng gọi là Lược thuyết, cũng gọi là Quảng thuyết; gọi là lược thuyết, là đối với kinh Đại ký như Đại thí dụ, Đại Niết-bàn..., gọi là Quảng thuyết, là đối với xứ trong kinh nói đến. Xứ ấy trong kinh cũng gọi là Lược thuyết, cũng gọi là Quảng thuyết; gọi là Lược thuyết, là đối với Giới trong kinh nói đến; gọi là Quảng thuyết, là đối với Uẩn trong kinh nói đến. Uẩn ấy trong kinh cũng gọi là Lược thuyết, cũng gọi là Quảng thuyết; gọi là Lược thuyết, là đối với xứ trong kinh nói đến; gọi là Quảng thuyết, là đối với các Thọ vốn có đều là kinh nói đến khổ... các Thọ vốn có ấy đều là kinh nói đến khổ..., chỉ gọi là Lược thuyết chứ không gọi là Quảng thuyết.

Có người đưa ra cách nói này: Giới này trong các kinh cũng gọi là Lược thuyết, cũng gọi là Quảng thuyết, tức là dựa vào kinh Tự Thuyết chứ không đối với kinh khác, nghĩa là Giới trong kinh nói rộng về sắc-

tâm, nói lược về tâm sở. Xứ ấy trong kinh cũng gọi là Lược thuyết, cũng gọi là Quảng thuyết, tức là dựa vào kinh Tự Thuyết chứ không đối với kinh khác, nghĩa là xứ trong kinh nói rộng về sắc, nói lược về tâm-tâm sở uẩn ấy trong kinh cũng gọi là Lược thuyết, cũng gọi là Quảng thuyết, tức là dựa vào kinh Tự thuyết chứ không đối với kinh khác, nghĩa là Uẩn trong kinh nói rộng về tâm sở, nói lược về sắc tâm. Các Thọ vốn có kia đều là khổ, trong kinh chỉ gọi là Lược thuyết chứ không gọi là Quảng thuyết.

Lại có người nói: Giới này trong kinh gọi là Quảng thuyết cũng thâm nhiếp tất cả. Xứ ấy trong kinh tuy thâm nhiếp tất cả pháp mà không phải là Quảng thuyết, bởi vì nói trong xứ. Uẩn ấy trong kinh không gọi là Quảng thuyết, bởi vì là Lược thuyết; cũng không thâm nhiếp tất cả pháp, bởi vì chỉ thâm nhiếp hữu vi chứ không phải là vô vi. Các Thọ vốn có kia đều là khổ..., kinh không gọi là Quảng thuyết, bởi vì là nói hết sức tóm lược; trong đó cũng có thâm nhiếp tất cả pháp, như nói các pháp không Vô ngã...

Có Sư khác nói: Lại không có kinh nào nói tóm lược, như Đức Thế Tôn nói: “Bố thí có hai loại:

1. Pháp thí.
2. Tài thí”.

Các kinh lại không có kinh nào nói mở rộng, như kinh Đại Thí dụ-Đại Niết-bàn...

Như vậy các luận thuyết tuy đều có nghĩa, nhưng Phật Thế Tôn đối với cảnh đã biết, trước đưa ra cách nói mở rộng-sau đưa ra cách nói tóm lược. Nghĩa là đối với cảnh đã biết, trước nói mở rộng về mười tám Giới, sau ngay nơi này nói tóm lược về mười hai xứ, lại ngay nơi này trừ ra pháp vô vi nói tóm lược là năm Uẩn, đây gọi là Đức Thế Tôn nói pháp mở rộng và tóm lược. Chính là dựa vào cách nói pháp mở rộng và tóm lược như vậy, “Đức Phật bảo với Tôn giả Xá-lợi-tử rằng: Ta đối với pháp bảo có thể nói mở rộng và tóm lược, mà người có thể hiểu rõ thì thật là ít thấy”. Lại dựa vào cách nói pháp mở rộng và tóm lược như vậy, “Tôn giả Xá-lợi-tử thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Chỉ nguyện Như Lai nói về pháp mở rộng và tóm lược, ở đây nhất định sẽ có người hiểu rõ pháp bảo”.

Đối với sự việc như vậy cần phải đưa ra thí dụ. Như Hải Long Vương ở lâu nơi biển rộng, uy thế tăng trưởng lên cao giữa hư không, dấy lên vân mây lớn che khắp cõi hư không, chớp giạt sáng lò-a-sấm sét chấn động, nói cho khắp thế gian biết: Ta sẽ trút mưa. Tất cả cỏ thuốc-

cây cối-rừng rậm, nghe tiếng như vậy đều rất kinh sợ, tất cả dấy lên suy nghĩ như vậy: Đại Long Vương này ở trong biển rộng đã lâu, uy thế tăng mạnh, nay nếu trút mưa thì không có hạn kỳ ngừng lại, chúng ta đều sẽ nhất định bị chìm. Lúc bấy giờ mặt đất nghe tiếng như vậy mà tâm không kinh hãi nghi ngờ, mặt không có sắc thái gì khác, lòng dạ trống rỗng ngược lên thỉnh cầu Hải Long Vương rằng: Chỉ mong tùy tình trút xuống mưa lớn, qua trăm ngàn năm tôi đều có thể tiếp nhận.

Đức Thế Tôn cũng như vậy, đã từng ở nơi Phật Thích Ca Mâu Ni-Đế Tràng-Bảo Kế-Nhiên Đăng-Thắng Quán trong quá khứ, cho đến cuối cùng Phật Ca Diếp Ba, tăng trưởng tư lương phước đức trí tuệ, lên cao giữa hư không của Hữu dư y Niết-bàn, cuộn lên vùn mây Đại Bi che khắp thế gian, phát ra ánh chớp Thắng Tuệ soi rộng khắp tất cả, tiếng sấm không-vô ngã-vô úy làm chấn động thế gian, nói cho tất cả hữu tình được hóa độ như Xá-lợi-tử... biết rằng: Ta đối với pháp bảo có năng lực nói mở rộng và tóm lược, mà người có thể hiểu rõ thì thật là ít thấy! Lúc ấy các hữu tình được hóa độ ngoại trừ xá-lợi-tử, nghe Đức Phật nói lời này đều sinh lòng khiếp sợ, tất cả dấy lên ý niệm như vậy: Đức Phật đạt được như vậy, là Danh-Cú-Văn thân mà trước kia chưa đạt được, nói cho chúng ta sợ rằng không có thể hiểu rõ được! Chỉ riêng Xá-lợi-tử trong sáu mươi kiếp, trí kiến tăng trưởng mạnh mẽ sắc bén-trọn vẹn đầy đủ giống như mặt đất, nghe Đức Phật nói lời này mà tâm không kinh ngạc nghi ngờ, mặt không có sắc thái gì khác, có năng lực không hề sợ hãi, bèn thưa thỉnh Đức Phật rằng: chỉ nguyện Như Lai nói về pháp mở rộng và tóm lược, ở đây nhất định sẽ có người hiểu rõ pháp bảo.

Hỏi: Cũng cần phải có pháp chứ không phải là cảnh giới của các Thanh văn-Độc giác, Xá-lợi-tử lúc ấy vì sao không sợ hãi mà phát lời thưa thỉnh như vậy?

Đáp: Lúc ấy chỉ thưa thỉnh Đức Phật về sự nhận biết của Thanh văn chứ không phải là sự nhận biết của Phật, cảnh giới của Thanh văn chứ không phải là cảnh giới của Phật, những công hạnh của Thanh văn chứ không phải là những công hạnh của Phật, căn của Thanh văn đã đạt đến chứ không phải là căn của Phật đã đạt đến, cho nên không trái với lý.

Lại nữa, bởi vì biết Đức Phật đồng ý khai mở cho nên phát lời thưa thỉnh như vậy. Nghĩa là Xá-lợi-tử dấy lên ý niệm như vậy: Đức Thế Tôn từ bi đã nói về các pháp cần phải hợp với số lượng thì chắc chắn có nhiều ích lợi, cần phải hưởng về ruộng đất chứa đựng mà rưới làn mưa pháp, làn mưa pháp đã rưới xuống cuối cùng không hoang phí, những

lời đã phát ra chắc chắn dựa vào pháp khí, nếu không phải là pháp khí thì chung quy sẽ không phát ra lời nói; Đức Thế Tôn đã biết mình có năng lực có thể tiếp nhận pháp khí, phát ra lời nói như vậy cho nên biết Đức Thế Tôn bắt đầu đồng ý cho mình thừa thỉnh. Vì vậy Tôn giả thừa thỉnh Đức Phật mà không sợ hãi.

Hỏi: Đức Phật vì những hữu tình nào được hóa độ, mà nói mở rộng và tóm lược về ba pháp Uẩn-Xứ-Giới?

Đáp: Đức Phật thuận theo sự ngu muội của hữu tình được hóa độ mà nói, nghĩa là người ngu muội đối với Giới thì nói cho họ biết mười tám Giới, nếu người ngu muội đối với Xứ thì nói cho họ biết mười hai Xứ, nếu người ngu muội đối với Uẩn thì nói cho họ biết năm Uẩn.

Lại nữa, hữu tình được Đức Thế Tôn hóa độ, tóm lược có ba loại:

1. Bắt đầu sự nghiệp Thủ uẩn tập.
2. Đã Thủ uẩn tập xuyên suốt.
3. Vượt lên trên tác ý.

Người bắt đầu sự nghiệp Thủ uẩn tập thì nói cho biết mười tám Giới, người đã Thủ uẩn tập xuyên suốt thì nói cho biết mười hai xứ, người vượt lên trên tác ý thì nói cho biết năm Uẩn.

Lại nữa, hữu tình Đức Thế Tôn hóa độ có ba loại căn, đó là chậm chạp-trung bình và nhanh nhạy. Vì người căn tánh chậm chạp thì nói về mười tám Giới, vì người căn tánh trung bình thì nói về mười hai xứ, vì người căn tánh nhanh nhạy thì nói về năm uẩn.

Lại nữa, hữu tình được Đức Thế Tôn hóa độ có ba loại trí:

1. Trí khai mở.
2. Trí giải thích.
3. Trí dẫn dắt.

Vì người có trí khai mở thì nói năm Uẩn, vì người có trí giải thích thì nói về mười hai xứ, vì người có trí dẫn dắt thì nói về mười tám Giới.

Lại nữa, hữu tình được Đức Thế Tôn có ba loại ý thích, đó là mở rộng-trung bình và tóm lược. Vì người thích mở rộng thì nói về mười tám Giới, vì người thích trung bình thì nói về mười hai xứ, vì người thích tóm lược thì nói về năm Uẩn.

Lại nữa, hữu tình được Đức Thế Tôn hóa độ có ba loại kiêu ngạo quá mức:

1. Cây thế dòng họ mà kiêu ngạo quá mức.
2. Cây thế tiền của mà kiêu ngạo quá mức.
3. Cây thế mạng sống mà kiêu ngạo quá mức.

Người cậy thế dòng họ kiết nhuế qm thì nói cho biết mười tám Giới, đó là nghĩa về dòng họ là nghĩa của Giới; bởi vì chủng loại sang hèn không có sai biệt. người cậy thế tiền của mà kiêu ngạo quá mức thì nói cho biết mười hai xứ, đó là nghĩa về Sinh môn là nghĩa của Xứ, bởi vì thuận theo có mà sinh thì sẽ tận mác không còn. Người cậy thế mạng sống mà kiêu ngạo quá mức thì nói cho biết năm Uẩn, đó là nghĩa về tích tụ là nghĩa của Uẩn, bởi vì hữu vi tích tụ thì sẽ tan rã mất đi.

Lại nữa, hữu tình được Đức Thế Tôn hóa độ có ba loại ngu:

1. Ngu về sắc-tâm.
2. Ngu đối với sắc.
3. Ngu về tâm sở.

Người ngu về sắc-tâm thì nói cho biết mười tám Giới, ở trong Giới này mà nói mở rộng về sắc-tâm, nói tóm lược về tâm sở. Người ngu đối với sắc thì nói cho biết mười hai xứ, ở trong xứ này mà nói mở rộng về sắc, nói tóm lược về tâm-tâm sở. Người ngu về tâm sở thì nói cho biết năm Uẩn, ở trong Uẩn này mà nói mở rộng về tâm sở, nói tóm lược về sắc-tâm.

Lại nữa, vì người chấp Ngã thì nói về mười tám Giới, nghĩa là trong một thân có nhiều Giới khác nhau chứ không có một Ngã; vì người ngu về sở y và sở duyên thì nói về mười hai Xứ, nghĩa là Thức phân biệt có sáu nơi nương tựa và sáu nơi duyên vào; vì người Ngã mạn thì nói về năm Uẩn, nghĩa là thân chỉ có năm Uẩn sinh diệt, không nên cậy vào đó mà khởi lên Ngã mạn.

Đức Phật vì những hữu tình được hóa độ này mà nói mở rộng và tóm lược về ba pháp Uẩn-Xứ-Giới.

Hỏi: Mười tám Giới này về tên gọi thì có mười tám loại, thật Thế có mấy loại?

Đáp: Thật Thế của Giới này hoặc có mười bảy loại, hoặc có mười hai loại. Nếu nói về sáu Thức thì mất đi Ý giới, bởi vì là sáu Thức thân không có Ý giới riêng biệt, cho nên người đấm Giới thì tên gọi có mười tám loại mà thật thế có mười bảy loại. Nếu nói về Ý giới thì mất đi sáu Thức, bởi vì là Ý giới này không có sáu Thức riêng biệt, cho nên mười tám Giới thì tên gọi có mười tám loại mà thật Thế có mười hai loại.

Như tên gọi và Thế, tên gọi thì thiết-Thế thì thiết, tên gọi khác tướng-Thế khác tướng, tên gọi khác tánh-Thế khác tánh, tên gọi sai biệt-Thế sai biệt, tên gọi kiến lập-Thế kiến lập, tên gọi nhận biết-Thế nhận biết, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Nếu mười tám Giới về tên gọi có mười tám loại, Thế hoặc là

mười bảy, hoặc là mười hai, thì tại sao kiến lập mười tám Giới?

Đáp: Bởi vì ba sự cho nên kiến lập mười tám loại:

1. Vì sở y.
2. Vì năng y.
3. Vì cảnh giới.

Vì sở y cho nên kiến lập sáu Nội giới, đó là Nhãn giới cho đến Ý giới. Bởi vì năng y cho nên kiến lập sáu Thức giới, đó là nhãn thức giới cho đến Ý thức giới. Bởi vì cảnh giới cho nên kiến lập sáu Ngoại giới, đó là sắc giới cho đến Pháp giới.

Hỏi: Nếu bởi vì sở y-năng y và cảnh giới đều có sáu, cho nên kiến lập mười tám giới có sai biệt, thì niệm tâm cuối cùng của các A-la-hán sẽ không phải là Ý giới, bởi vì dựa vào đó không thể nào sinh ra Thức sau?

Đáp: Đó cũng là Ý giới, dựa vào đó không thể nào sinh ra Thức sau thì không phải là nó bị ngăn cách, mà chỉ vì duyên khác ngăn cách cho nên Thức cho nên Thức sau không dấy khởi. Giả sử Thức sau dấy khởi thì cũng làm sở y, như có duyên khác không sinh ra mầm non..., lẽ nào vùng đất màu mỡ không phải là nơi nường tựa của mầm non... hay sao? Bởi vì mười tám Giới này đều có đủ quá khứ-vị lai-hiện tại.

Hỏi: Quá khứ có thể có mười tám Giới này, bởi vì sáu Thức thân không gián đoạn đã diệt, cho nên gọi là Ý giới; vị lai-hiện tại làm sao cũng có mười tám Giới?

Đáp: Mười tám Giới này dựa vào tướng mà thiết lập, ba đời đều có tướng của mười tám Giới; nếu Thức của vị lai-hiện tại không có tướng của Ý giới, thì Thức của quá khứ cũng sẽ không có, bởi vì tướng không có chuyển đổi.

Hỏi: Đẳng vô gián duyên thì vị lai chưa có, hiện tại-quá khứ cũng sẽ không thiết lập, ở đây đã được thiết lập, Ý giới cũng phải như vậy sao?

Đáp: Đẳng vô gián duyên dựa vào dụng mà thiết lập, vị lai chưa có pháp Đẳng vô gián, cho nên không thể nào thiết lập Đẳng vô gián duyên; giả sử thiết lập thì ở đâu có dụng của duyên này? Mười tám Giới này dựa vào tướng mà thiết lập, vị lai không có dụng của Thức sở y, mà đã có Thức có thể thiết lập sở y, cho nên đây và kia không thể làm ví dụ. Niệm tâm cuối cùng của các A-la-hán, tuy không phải là Đẳng vô gián duyên mà chính là Ý giới, dựa theo đây nên biết.

Trong kinh khác, “Đức Thế Tôn tự nói về dụ Ác xoa tụ (nghiệp chủng tự nhiên), nói về thí dụ này rồi bảo với các Tỳ kheo: trong thân

hữu tình có tánh của nhiều Giới”. Giới ấy cũng thâm nhiếp vào trong mười tám Giới này, bởi vì thâm nhiếp sở y-năng y và cảnh giới. Vả lại, Đức Phật ở trong kinh nhiều Giới kia, nói Giới sai biệt có sáu mươi hai loại, Giới ấy cũng thâm nhiếp vào trong mười tám Giới này, tức là thâm nhiếp ba sự như sở y...

Hỏi: Tại sao Đức Thế Tôn nói cho đại chúng về sáu mươi hai Giới ấy?

Đáp: Bởi vì so sánh Thân kiến của ngoại đạo làm căn bản, cho nên có sáu mươi hai kiến chấp khác biệt. vả lại, Đức Thế Tôn bảo với Thiên Đế Thích rằng: “Kiêu-thi-ca nên biết! Thế gian có các loại Giới, tùy theo mỗi loại đã nghĩ đến mà đều có chấp trước, tùy theo mỗi loại chấp trước mà đều nói đến điều đó, tất cả đều nói đây là thật, còn lại đều ngu dốt xằng bậy”. Giới ấy cũng thâm nhiếp vào trong mười tám Giới này, tức là thâm nhiếp ba sự như sở y...

Có người đưa ra cách nói này: Các kiến trong kinh ấy dùng âm Giới mà nói, đều chỉ thâm nhiếp vào trong Pháp giới này.

Tôn giả Tả Thọ đưa ra cách nói như vậy: “Bởi vì bốn sự cho nên kiến lập mười tám Giới:

1. Tự tánh.
2. Sở tác.
3. Năng tác.
4. Uẩn sai biệt.

Bởi vì tự tánh cho nên kiến lập Sắc giới cho đến Pháp giới; bởi vì sở tác cho nên kiến lập Nhân thức giới cho đến Ý thức giới; bởi vì năng tác cho nên kiến lập Nhân giới cho đến Ý giới; bởi vì Uẩn sai biệt cho nên kiến lập mười tám Giới, đó là sắc uẩn sai biệt kiến lập mười Giới và phần ít của một Giới, Thức uẩn sai biệt kiến lập bảy Tâm giới, ba Uẩn còn lại thâm nhiếp vào trong một Pháp giới. Như vậy, gọi là tự tánh của các Giới bản tánh-tướng phần tự Thể của ngã và vật”.

Đã nói về tự tánh của Giới, nguyên cớ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Giới, Giới là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về chủng tộc là nghĩa của Giới, nghĩa về đoàn-nghĩa về phần-nghĩa về phiến-nghĩa về tướng khác nhau-nghĩa về không giống nhau-nghĩa về phạm vi như nhau là nghĩa của Giới, nghĩa về các loại nhân là nghĩa của Giới. Phái Thanh Luận nói: “Trì lưu cho nên gọi là Giới, trú trì cho nên gọi là Giới, trưởng dưỡng cho nên gọi là Giới”.

Nên biết trong này, nghĩa về chủng tộc là nghĩa của Giới, như trong một vùng núi có nhiều chủng tộc, đó là vàng-bạc-đồng-thiếc-



kẽm-chì và các loại đá đỏ-xanh..., đất sét trắng-vàng... với chủng tộc khác loại xen lẫn nhau. Như vậy ở trong một thân nối tiếp nhau, có chủng tộc khác loại của mười tám Giới.

Nghĩa về đoàn (quãng chặng) là nghĩa của Giới, như vậy ở trong một thân nối tiếp nhau, có chủng tộc khác loại của mười tám giới.

Nghĩa về đoàn (quãng chặ) là nghĩa của Giới, như vậy có thứ tự sắp xếp theo từng đoạn mà được các loại tên gọi, nghĩa là theo thứ tự sắp xếp từng đoạn cây gỗ, gọi là cung điện-lầu quán.... các đoạn của quả Dư cam sắp xếp theo thứ tự, gọi là quả A-ma-lạc-ca; các đoạn của trúc-tre sắp xếp theo thứ tự, gọi là cái lọng-cái quạt... các đoạn xương thịt sắp xếp theo thứ tự, gọi là thân nam-thân nữ... như vậy, Nhân.... Sắp xếp theo thứ tự từng đoạn của mười tám Giới, gọi là hữu tình Ma-nạp-bà...

Nghĩa về phần (mức-phần) là nghĩa của Giới, nghĩa là trong thân nam có mười tám phần, thân nữ cũng như vậy, tức là mười tám Giới.

Nghĩa về phiến (miếng-mảng) là nghĩa của Giới, nghĩa là trong thân nam có mười tám miếng, thân nữ cũng như vậy, tức là mười tám Giới.

Nghĩa về tướng khác nhau là nghĩa của Giới, nghĩa là Nhân giới có tướng khác cho đến Ý thức giới có tướng khác.

Nghĩa về không giống nhau là nghĩa của Giới, nghĩa là nhân giới không tựa như Giới khác, cho đến Ý thức giới không tựa như Giới khác.

Nghĩa về phạm vi như nhau là nghĩa của Giới, nghĩa là phạm vi của nhân giới khác với mười bảy Giới khác, cho đến phạm vi của Ý thức giới khác với mười bảy Giới khác.

Nghĩa về các loại nhân là nghĩa của Giới, nghĩa là nhờ vào đây mà có Nhân giới chứ không phải là nhờ vào đây cho đến có Ý thức giới, cho đến nhờ vào đây mà có Ý thức giới chứ không phải là nhờ vào đây cho đến có nhân giới.

Phái Thanh Luận nói: Trừ lưu cho nên gọi là Giới, nghĩa là các Giới này rong ruổi trôi theo ba cõi-năm nẻo-bốn sinh mà luân chuyển trong sinh tử; trú trì cho nên gọi là Giới, nghĩa là các Giới này dừng lại giữ lấy tự tánh; trưởng dưỡng cho nên gọi là Giới, nghĩa là các Giới này nuôi lớn tánh khác. Vì vậy, nghĩa về chủng tộc là nghĩa của Giới, cho đến trưởng dưỡng là Giới.

Đã nói tổng quát về nhân kiến lập tên gọi của Giới, nay sẽ nói riêng biệt về tướng.

Hỏi: Nhân giới là thế nào?



Đáp: Các Nhãn đối với sắc đã-đang và sẽ trông thấy, cùng với Đồng phần ấy (Bỉ đồng phần) thì gọi là Nhãn giới. Đã không thấy sắc, nghĩa là Nhãn quá khứ. Đã trông thấy sắc, nghĩa là Nhãn hiện tại. Sắc trông thấy sắc, nghĩa là Nhãn vị lai. Cùng với Đồng phần ấy, các Sư nước này nói có bốn loại:

1. “Quá khứ bỉ đồng phần Nhãn, đó là Nhãn giới không thấy sắc đã diệt.

2. Hiện tại bỉ đồng phần Nhãn, đó là Nhãn giới không không thấy sắc đang diệt.

3. Vị lai bỉ đồng phần Nhãn, là Nhãn giới không thấy sắc sẽ diệt.

4. Vị lai hoàn toàn không sinh ra Nhãn giới”.

Các Sư nước ngoài nói có năm loại; ba loại đầu như trước nói, vị lai hoàn toàn không sinh Nhãn giới phân làm hai loại:

1. Có Thức thuộc về Nhãn giới.

2. Không có Thức thuộc về Nhãn giới.

Sư nước ngoài trước đây nói giống như Sư nước này, Sư nước này trước đây nói giống như Sư nước này.

Các Nhãn thấy sắc, đối với bản thân hữu tình gọi là đồng phần Nhãn, đối với hữu tình khác cũng gọi là đồng phần. Các Nhãn không thấy sắc, đối với bản thân hữu tình gọi là bỉ đồng phần Nhãn, đối với hữu tình khác cũng gọi là bỉ đồng phần.

Có người đưa ra cách nói này: Các Nhãn thấy sắc, đối với bản thân hữu tình gọi là đồng phần Nhãn, đối với hữu tình khác gọi là bỉ đồng phần. Các Nhãn không thấy sắc, đối với bản thân hữu tình gọi là bỉ đồng phần Nhãn, đối với hữu tình khác cũng gọi là bỉ đồng phần.

Lại có người nói: Các Nhãn thấy sắc, đối với bản thân hữu tình gọi là đồng phần Nhãn, đối với hữu tình khác không phải là đồng phần cũng không phải là bỉ đồng phần. Các Nhãn không thấy sắc, đối với bản thân hữu tình gọi là bỉ đồng phần Nhãn, đối với hữu tình khác không phải là đồng phần cũng không phải là bỉ đồng phần.

Người ấy không nên đưa ra cách nói này, vì sao có Nhãn mà không phải là đồng phần, không phải là bỉ đồng phần? Nên đưa ra cách nói này: Ở trong ba cách nói thì cách nói đầu là hợp lý.

Hỏi: Lẽ nào dùng mắt của người khác có thể thấy sắc chăng?

Đáp: Ai nói có thể dùng mắt của người khác thấy sắc?

Hỏi: Nếu không có thể dùng mắt của người khác thấy sắc, thì làm sao mắt của hữu tình tự mình thấy sắc, đối với hữu tình khác cũng gọi là đồng phần?

Đáp: Bởi vì Nhân căn có tác dụng luôn luôn ổn định. Tác dụng của Nhân giới, nghĩa là có năng lực thấy sắc. Như Nhân đối với sắc có tác dụng đã diệt thì nói là đồng phần, đối với bản thân-đối với người khác thì tên gọi đồng phần này luôn luôn không có sự thay đổi, tuy không có thể dùng mắt của người khác thấy sắc, mà có tác dụng của Nhân luôn luôn gọi là đồng phần. Đang diệt và sẽ diệt nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Đồng phần Nhân có thể thấy sắc, bĩ đồng phần Nhân không có thể thấy sắc, tại sao mắt thấy sắc là đồng phần của mắt không thấy sắc, mắt không thấy sắc là đồng phần của mắt thấy sắc kia?

Đáp: hai Nhân này-kia làm nhân cho nhau, nghĩa là Nhân thấy sắc làm nhân cho Nhân không thấy sắc, Nhân không thấy sắc cũng làm nhân cho Nhân thấy sắc. Lại nữa, hai Nhân này-kia sinh khởi lẫn nhau, nghĩa là Nhân thấy sắc có thể sinh khởi Nhân không thấy sắc, Nhân không thấy sắc lại có thể sinh khởi Nhân thấy sắc. Lại nữa, hai Nhân này-kia dẫn dắt lẫn nhau, nghĩa là Nhân thấy sắc có thể dẫn dắt Nhân không thấy sắc, Nhân không thấy sắc lại có thể dẫn dắt Nhân thấy sắc. Lại nữa, hai Nhân này-kia chuyển đổi lẫn nhau, nghĩa là Nhân thấy sắc có thể chuyển đổi Nhân không thấy sắc, Nhân không thấy sắc lại có thể chuyển đổi Nhân thấy sắc. Lại nữa, hai Nhân nay-kia nối tiếp lẫn nhau, nghĩa là Nhân thấy sắc có thể nối tiếp Nhân không thấy sắc, Nhân không thấy sắc lại có thể nối tiếp Nhân thấy sắc. Lại nữa, Nhân thấy sắc và Nhân không thấy sắc, cùng một Giới thâu nhiếp, cho nên Nhân thấy sắc là đồng phần của Nhân không thấy sắc, Nhân không thấy sắc lại là đồng phần của Nhân thấy sắc kia.

Như Nhân giới, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân giới cũng như vậy, bởi vì phẩm loại sai biệt về đồng phần và bĩ đồng phần đều tương tự.

Hỏi: Sắc giới là thế nào?

Đáp: Các Sắc mà nhãn đã-đang-sẽ thấy và đồng phần ấy, đó gọi là Sắc giới. Sắc đã thấy, đó là sắc quá khứ. Sắc đang thấy, đó là sắc hiện tại. Sắc sẽ thấy, đó là sắc vị lai. Và đồng phần ấy, nghĩa là có bốn loại bĩ đồng phần Sắc:

1. Bĩ đồng phần Sắc quá khứ, đó là Sắc giới đã diệt không phải là Nhân đã thấy.
2. Bĩ đồng phần Sắc hiện tại, đó là Sắc giới đang diệt không phải là Nhân đã thấy.
3. Bĩ đồng phần Sắc vị lai, đó là Sắc giới sẽ diệt không phải là Nhân đã thấy.
4. Vị lai hoàn toàn không sinh ra Sắc giới.

Hoặc có Sắc giới đối với một hữu tình là đồng phần, đối với hai-ba-bốn cho đến trăm ngàn các hữu tình... cũng là đồng phần, nghĩa là Sắc giới này là mắt của một hữu tình đã thấy, cũng là mắt của hai-ba-bốn cho đến trăm ngàn các hữu tình đã thấy, như trăm ngàn người cùng thấy trăng mới mọc. Nhưng Sắc giới này đối với các duyên mà nó sinh ra Nhân thức thì gọi là Đồng phần, đối với không phải duyên mà nó sinh ra Nhân thức thì gọi là Bỉ Đồng phần. Lại như trong chúng có một người nữ, hình dáng đoan chánh nhiều đồ vật trang nghiêm, những người có duyên mà khởi lên Nhân thức thì sắc giới ấy gọi là Đồng phần, những người không có duyên mà khởi lên Nhân thức thì Sắc giới ấy gọi là Bỉ đồng phần. Lại như pháp sư bước lên chỗ ngồi thuyết pháp, lời lẽ rõ ràng-tướng mạo trang nghiêm, những người có duyên mà khởi lên Nhân thức thì sắc giới ấy gọi là Đồng phần, những người không có duyên mà khởi lên Nhân thức thì sắc giới ấy gọi là Bỉ đồng phần.

Hoặc có Sắc giới đối với một hữu tình gọi là Bỉ đồng phần, đối với hai-ba-bốn cho đến trăm ngàn các hữu tình cũng gọi là Bỉ đồng phần, nghĩa là Sắc giới ấy ở nơi kín đáo, cho nên vô lượng hữu tình không thể nào thấy được.

Hoặc có Sắc giới nhưng mắt của tất cả hữu tình vốn không thấy được, thì Sắc giới ấy đối với tất cả mọi lúc đều gọi là Bỉ đồng phần. Như sắc ở trung tâm của núi Diệu cao và sắc dưới đáy biển rộng trong lòng đất, tất cả hữu tình không có ai thấy được.

Hỏi: Sắc ấy lẽ nào không phải là cảnh giới của Thiên nhân?

Đáp: Sắc ấy tuy là cảnh giới của Thiên nhân, mà không có tác dụng cho nên Thiên nhân này không nhìn sắc ấy. Lại nữa, không phải là tất cả mọi lúc Thiên nhân đều hiện khởi, cho nên có sắc ấy nhưng mà Thiên nhân không thấy.

Hỏi: Sắc ấy lẽ nào không phải là cảnh giới của Phật nhân?

Đáp: Sắc ấy tuy là cảnh giới của Phật nhân, mà không có tác dụng cho nên Phật không nhìn sắc ấy. Lại nữa, không phải là tất cả mọi lúc đều có Phật xuất thế, như bây giờ không có Phật, bởi vì đã không có Phật nhân, cho nên có sắc ấy nhưng không phải là Phật nhân trông thấy.

Hỏi: tại sao mắt thấy sắc đối với bản thân hữu tình gọi là Đồng phần, đối với hữu tình khác cũng gọi là Đồng phần, mà sắc đã thấy đối với người thấy thì gọi là Đồng phần, đối với người không thấy thì gọi là Bỉ đồng phần?

Đáp: Bởi vì có thể một Sắc giới mà nhiều hữu tình trông thấy,

không có một Nhãn giới mà hai hữu tình sử dụng. Nghĩa là có sắc giới mà một hữu tình trông thấy, thì có lẽ hai-ba-bốn cho đến trăm ngàn hữu tình cũng trông thấy, là trông thấy giống nhau. Những hữu tình trông thấy thì Sắc giới này đối với họ gọi là Đồng phần, những hữu tình không trông thấy thì Sắc giới này đối với họ gọi là Bỉ đồng phần, bởi vì không có một Nhãn giới mà hai hữu tình sử dụng, hướng hồ nhiều hữu tình thì không giống nhau.

Những hữu tình sử dụng mắt này có thể thấy sắc, thì mắt này đối với họ gọi là Đồng phần; mắt của những hữu tình khác, hoặc thấy sắc- hoặc không thấy sắc, thì mắt này đối với họ cũng gọi là có tác dụng, mắt đã là không giống nhau, bởi vì tương luôn luôn ổn định đối với tất cả mọi lúc.

Như Sắc giới, Thanh-Hương-Vị-Xúc giới cũng như vậy, bởi vì phẩm loại sai biệt của Đồng phần và Bỉ đồng phần đều tương tự.

Nhưng đối với nghĩa này, hoặc có người muốn làm cho chỉ có người-nếm-cảm nhận các Hương-vị-xúc trong tự thân của mỗi người. Họ đưa ra cách nói này: Hương-vị-xúc giới dựa vào lý thể tục như Sắc giới. Nghĩa là những người thế gian đưa ra lời nói như vậy: ông đã ngửi Hương thì chúng tôi cũng ngửi, ông đã nếm vị thì chúng tôi cũng nếm, ông đã cảm nhận xúc thì chúng tôi cũng cảm nhận. Dựa vào lý thắng nghĩa thì Hương-Vị-Xúc giới nói như Nhãn giới, nghĩa là một hữu tình đã ngửi Hương giới thì hữu tình khác không thể nào ngửi được, nếu một hữu tình đã nếm Vị giới thì hữu tình khác không thể nào nếm được, nếu một hữu tình đã cảm nhận Xúc giới thì hữu tình khác không thể nào cảm nhận.

Hỏi: Nếu một Xúc giới mà hai thân hữu tình, mỗi thân ở một bên mà áp sát xúc chạm giống nhau, lẽ nào không phải là thắng nghĩa như nói về Sắc giới?

Đáp: Xúc giới như vậy có nhiều cực vi hòa hợp tập trung một chỗ, hai thân áp sát xúc chạm đều cảm được một bên chứ không có cùng chung cảm được, cho nên lý thắng nghĩa nói như Nhãn giới-Hương giới-Vị giới dựa theo đây nên biết.

Lại có người muốn làm cho người khác và phi hữu tình cũng ngửi-nếm-cảm nhận các Hương-vị-xúc. Họ đưa ra cách nói này: Hương-vị-xúc giới nếu đã thọ dụng và lúc thọ dụng, thì dựa vào lý thể tục nói như Sắc giới, nghĩa là những người thế gian nói là cảm được giống nhau. Dựa vào lý thắng nghĩa thì nói như Nhãn giới, bởi vì một nơi đã thọ dụng thì nơi khác không cảm được. Nếu chưa thọ dụng Hương-Vị-Xúc

giới, dựa vào lý thắng nghĩa thì cũng có cảm được giống nhau, nghĩa nói như Sắc giới, nghĩa là ở vị lai đang đến hiện tại, bởi vì có nghĩa nhiều người cùng cảm được giống nhau.

Nếu dựa vào nghĩa trước thì nên đưa ra cách nói này: Hương-vị-xúc giới dựa vào lý thế tục thì nói như Sắc giới, dựa vào lý thắng nghĩa, nói như Nhãn giới. Nếu dựa vào nghĩa sau thì nên đưa ra cách nói này: Hương-Vị-Xúc giới nếu đã thọ dụng và lúc thọ dụng, dựa vào lý thế tục thì nói như Sắc giới, dựa vào lý thắng nghĩa thì nói như Nhãn giới. Nếu chưa thọ dụng thì dựa vào lý thắng nghĩa, cũng có thể phải nói như nói về Sắc giới. Vì vậy, các luận đều đưa ra cách nói này: Như Sắc giới, Thanh-Hương-Vị xúc giới cũng như vậy, bởi vì Hương-Vị-Xúc có thể cảm được giống nhau.

Hỏi: Nhãn thức giới là thế nào?

Đáp: Nhãn và sắc làm duyên mà sinh ra Nhãn thức, thì gọi là nhãn thức giới.

Hỏi: Lúc Nhãn thức sinh khởi trừ ra tự tánh, tất cả các pháp khác đều làm duyên, tại sao chỉ có nhãn-sắc làm duyên?

Đáp: Trong này tạm thời nói đến duyên tăng trưởng, nghĩa là nếu pháp là sở y-sở duyên của Nhãn thức, thì trong này nói đến pháp ấy. Nhãn là sở y của Nhãn thức, sắc là sở duyên của Nhãn thức, cho nên chỉ nói đến nó, pháp khác thì không như vậy. Lại nữa, nếu pháp là duyên tăng trưởng gần của Nhãn thức, thì trong này nói đến pháp ấy. Nhãn và sắc làm duyên tăng trưởng gần cho Nhãn thức, hơn hẳn Nhãn thức trong sinh-trú-dị-diệt, cho nên chỉ nói đến nó. Lại nữa, nếu pháp là duyên thù thắng bất cộng của Nhãn thức, thì trong này nói đến pháp ấy. Nhãn và sắc làm duyên thù thắng bất cộng cho Nhãn thức, hơn hẳn Nhãn thức sinh-trú-dị-diệt, cho nên chỉ nói đến nó.

Hỏi: Nhãn thức cũng lấy sắc làm duyên sinh khởi, vì sao gọi là Nhãn thức chứ không gọi là Sắc thức?

Đáp: Cũng có kinh nói pháp này gọi là Sắc thức, như nói: “Sắc giới làm duyên sinh khởi Sắc thức, cho đến Pháp giới làm duyên sinh khởi Pháp thức”.

Hỏi: Chỉ có một kinh đưa ra cách nói như vậy, tất cả kinh khác đều nói Nhãn thức, tại sao không nói tên gọi Sắc thức?

Đáp: Nhãn là bên trong cho nên chỉ gọi là Nhãn thức sắc là bên ngoài cho nên không gọi là Sắc thức. Lại nữa, nhãn là sở y cho nên chỉ gọi là Nhãn thức, sắc là sở duyên cho nên không gọi là Sắc thức. Lại nữa, nhãn là căn cho nên chỉ gọi là Nhãn thức, sắc là nghĩa của căn cho

nên không gọi là Sắc thức. Lại nữa, nhãn là có cảnh cho nên chỉ gọi là Nhãn thức, sắc là cảnh cho nên không gọi là Sắc thức. Lại nữa nhãn là không giống nhau cho nên chỉ gọi là nhãn thức, sắc là giống nhau cho nên không gọi là Sắc thức. Lại nữa, các tên gọi đã kiến lập thì đều dựa vào sở y hiển bày mà kiến lập tên gọi có sai biệt, nhãn là căn sở y của Thức cho nên chỉ gọi là Nhãn thức, cho đến ý là căn sở y của Ý thức cho nên chỉ gọi là Ý thức. Như thanh chỉ dựa vào sở y mà kiến lập tên gọi, cho nên hiển bày tên gọi đã kiến lập có sai biệt. như dựa vào trống nổi lên chỉ gọi là tiếng trống, nếu dựa vào vỏ ốc nổi lên thì chỉ gọi là tiếng ốc; dựa vào sáo-địch-đàn-kèn... Nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Sáu Thức như nhãn... đều dựa vào ý sinh ra, vì sao năm Thức trước không gọi à Ý thức?

Đáp: Nếu pháp là nơi nương tựa không hỗn loạn-không giống nhau-không xen tạp của Thức thì Thức gọi là nương tựa, nhãn ấy là nơi nương tựa không hỗn loạn-không giống nhau-không xen tạp của Nhãn thức cho nên gọi là Nhãn thức, nói rộng ra cho đến thân là nơi nương tựa không hỗn loạn-không giống nhau-không xen tạp của Thân thức cho nên gọi là Thân thức, ý là năm Thức xen tạp-giống nhau-hỗn loạn-nương tựa, vì vậy năm Thức trước không gọi là trước thức.

Hỏi: Nếu như vậy thì Ý thức cũng không nên nói tên gọi là Ý thức chăng?

Đáp: Ý thức lại không có nơi nương tựa không hỗn loạn-không giống nhau-không xen tạp như năm Thức trước, vì vậy chỉ nói tên gọi là Ý thức, vì nhân duyên này nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là sở y của Nhãn thức mà không phải là đẳng vô gián duyên, đó là nhãn câu sinh.

2. Có pháp là đẳng vô gián duyên của nhãn thức mà không phải là sở y, đó là các tâm sở pháp không gián đoạn đã diệt.

3. Có pháp là sở y của Nhãn thức mà cũng là đẳng vô gián duyên, đó là Ý giới không gián đoạn đã diệt.

4. Có pháp không phải là sở y của nhãn thức mà cũng không phải là Đẳng vô gián duyên, đó là trừ ra những tướng trước. Cho đến Thân thức thì bốn câu phân biệt cũng như vậy. Nếu pháp là sở y của ý thức thì cũng là Đẳng vô gián duyên; có pháp là Đẳng vô gián duyên của Ý thức mà không phải là sở y, đó là các tâm sở pháp không gián đoạn đã diệt.

Tôn giả Thế Hữu cũng đưa ra cách nói này: “Nhãn thức cũng dùng sắc làm duyên sinh khởi, vì sao Nhãn thức không gọi là Sắc thức?

Đáp: Nhãn là sở y của nhãn thức, sắc thì không như vậy. Lại nữa, nhãn là duyên thù thắng của Nhãn thức, sắc thì không như vậy. Lại nữa, nhãn chỉ thuộc về tương tục của bản thân, sắc thì không nhất định. Lại nữa, nhãn chỉ ở gần, sắc thì không nhất định. Lại nữa, nhãn chỉ ở bên trong, sắc thì không nhất định. Lại nữa, nhãn thì không giống nhau, sắc thì không như vậy. Lại nữa, nhãn chỉ là Hữu chấp thọ, sắc thì không như vậy. Lại nữa, nhãn có thêm bớt, Thức tùy theo thêm bớt, sắc thì không như vậy”.

Hỏi: Sắc nếu có thêm bớt thì Thức cũng tùy theo thêm bớt, nếu không có sắc thì Nhãn thức không sinh khởi cũng nên gọi là Sắc thức, vì sao chỉ nói tên gọi Nhãn thức?

Đáp: Điều này không cần phải nêu ra. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì có Nhãn căn, tuy một sắc hư hoại mà duyên vào sắc thứ hai thì Nhãn thức được sinh khởi, nếu sắc thứ hai hư hoại mà duyên vào sắc thứ ba thì Nhãn thức được sinh khởi; sắc khác hư hoại duyên vào sắc khác sinh khởi Thức cũng như vậy. Nếu trong một thân mà nhãn căn hư hoại, thì giả sử có vô số vô lượng sắc đang hiện ở trước mắt, duyên với Nhãn thức ấy cũng không thể nào sinh khởi, vì vậy Nhãn thức không gọi là Sắc thức. Cho đến Thân thức nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Có kinh nói do nhãn mà nhận biết sắc, điều này có ý gì? Bởi vì các sắc chỉ là sự nhận biết của Nhãn thức, nhãn căn không thể nào phân biệt rõ ràng đối sắc.

Đáp: Đó là đối với sở y hiển bày sự việc của năng y, cho nên không trái với lý. Nghĩa là Phật Thế Tôn có lúc đối với sở y hiển bày sự việc của năng y, có lúc đối với năng y hiển bày sự việc của sở y. đối với sở y hiển bày sự việc của năng y, là như kinh ấy nói do nhãn mà nhận biết sắc. Đối với năng y hiển bày sự việc của sở y, như có nơi nói: Do Nhãn thức mà tiếp nhận, do Nhãn thức mà hiển rõ, gọi là điều đã thấy.

Lại nữa, kinh ấy nên nói là do Nhãn thức mà nhận biết sắc, bởi vì người tụng sai lầm cho nên họ chỉ nói là do nhãn mà nhận biết sắc. Lại nữa, kinh ấy nên nói là do Nhãn thức mà nhận biết sắc, bởi vì lược đi phần giữa cho nên chỉ nói là do nhãn mà nhận biết sắc như nói: “Ngưu xa trạch diệt”.

Lại nữa, trong kinh ấy dựa vào dụng cụ hơn hẳn mà nói, cho nên không trái với lý. Như tấu nhạc-nhuộm ác-viết chữ dựa vào dụng cụ hơn hẳn mà nói, ở đây cũng như vậy. Như lúc tấu nhạc, tuy có nhạc cụ và các nam nữ cùng với bầu bạn phụ giúp khác, mà chỉ riêng người đứng



đầu tấu nhạc có được tên gọi ấy, bởi vì là dụng cụ hơn hẳn. Lại như lúc nhuộm áo quần..., không phải là không có đồ đựng nước-thọ nhuộm và người giúp đỡ, mà chỉ riêng màu sắc nhuộm ấy có được tên gọi, bởi vì là dụng cụ hơn hẳn. Lại như lúc viết chữ, không phải là không có mực-giấy-đồ mực và người viết..., mà cây bút là hơn hẳn cho nên chỉ riêng cây bút có được tên gọi ấy. Ở đây cũng như vậy, tuy lúc nhận biết sắc thì có nhiều Thức đầy đủ, đó là trống rỗng-sáng tỏ..., mà Nhãn là hơn hẳn cho nên chỉ riêng nhãn có được tên gọi ấy, vì vậy kinh ấy nói là do nhãn mà nhận biết sắc.

Lại nữa, nhãn là nơi nương vào để nhận biết sắc, cho nên kinh ấy nói là do nhãn mà nhận biết sắc. Như nói con đường là nơi cần phải đi lại của những người buôn bán, nhưng con đường ấy chỉ là nơi nào bàn chân cần phải đi lại di chuyển, những người buôn bán kia là nơi nương tựa của bàn chân ấy, cho nên chỉ riêng người buôn bán có được tên gọi ấy. Ở đây cũng như vậy.

Như Nhãn thức giới; Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân thức giới cũng như vậy, bởi vì duyên nào sinh khởi mà kiến lập tên gọi để giải thích thông suốt nghĩa trong Kinh đều tương tự.

Hỏi: Ý giới là thế nào?

Đáp: Các ý đối với pháp đã-đang-sẽ hiểu rõ, và Bỉ đồng phần, đó gọi là Ý giới. Pháp đã hiểu rõ ấy gọi là Ý giới quá khứ. Pháp đang hiểu rõ ấy gọi là Ý giới hiện tại. Pháp sẽ hiểu rõ ấy gọi là ý giới vị lai. Và Bỉ đồng phần ấy gọi là vị lai hoàn toàn không sinh khởi Ý giới. Không có Ý giới quá khứ-hiện tại là Bỉ đồng phần cho nên tâm-tâm sở pháp nhất định phải nhờ vào sở duyên mới có thể khởi lên, vì vậy vị lai sẽ sinh khởi Ý giới cũng nhất định là Đồng phần.

Hỏi: Ý giới nếu duyên với mười bảy Giới mà sinh khởi thì đó là Đồng phần chăng?

Đáp: Cũng là Đồng phần. Như Nhãn giới... Có tác dụng của thấy... chắc chắn là Đồng phần, Ý giới cũng như vậy, có tác dụng hiểu rõ thì gọi là Đồng phần.

Hỏi: Pháp giới là thế nào?

Đáp: Các pháp là ý đã-đang và sẽ hiểu rõ, đó gọi là Pháp giới. Đã là ý hiểu rõ, đó là các Pháp giới đã được ý giới quá khứ hiểu rõ. Đang là ý hiểu rõ, đó là các Pháp giới đang được Ý giới hiện tại hiểu rõ. Dẽ là ý hiểu rõ, đó là các pháp giới sẽ được ý giới vị lai hiểu rõ.

Hỏi: Pháp giới là có Bỉ đồng phần hay không?

Đáp: Không có. Nguyên cố thế nào. bởi vì không có pháp nào

không phải là sự phân biệt rõ ràng của vô lượng ý thức quá khứ-vị lai- hiện tại, có ý thức sinh khởi trong một sát-na, chỉ trừ ra tự tánh tương ứng cùng có, mà phân biệt rõ ràng tất cả các pháp còn lại.

Hỏi: Mười bảy Giới còn lại cũng là cảnh phân biệt rõ ràng của ý thức đúng ra đều là Đồng phần, thì không có Bỉ đồng phần, làm sao nói là có Bỉ đồng phần?

Đáp: Mười bảy Giới còn lại không dựa vào ý thức kiến lập là Đồng phần và Bỉ đồng phần, chỉ dựa vào căn cảnh khác nhau mà hưởng về với nhau, nghĩa là nhãn hưởng về sắc-sắc hưởng về nhãn, cho đến thân tướng về xúc-xúc hưởng về thân.

Hỏi: Nếu như vậy thì Ý giới và ý thức giới chỉ cần hưởng về Pháp giới mà kiến lập Đồng phần-Bỉ đồng phần, vậy thì duyên vào mười bảy Giới còn lại sẽ không phải là Đồng phần?

Đáp: Lý phải như vậy, nhưng bởi vì Ý giới và ý thức giới có năng lực phân biệt rõ ràng bao gồm tất cả các pháp, cho nên dựa vào tác dụng của bản thân mà kiến lập là Đồng phần; như nhãn căn... có tác dụng của thấy..., chắc chắn không kiến lập là Bỉ đồng phần. Có Sư khác nói: Pháp giới thấu nhiếp hết toàn bộ tất cả các pháp, mà mười bảy Giới cũng gọi là Pháp, cho nên không có sai lầm ấy.

Vị ấy không nên đưa ra cách nói này, bởi vì tên gọi của pháp tuy là gồm chung mà Pháp giới thì riêng biệt, do đó cách nói trước đối với lý là thích hợp. Trong này nên đưa ra giả thiết có thể để hỏi-Đáp.

Hỏi: Có thể có pháp cùng có (câu hữu pháp) mà có lúc là Đồng phần, có lúc là Bỉ đồng phần chăng?

Đáp: Có, đó là Bỉ đồng phần sinh-trú-dị-diệt trong mười bảy Giới, bởi vì Pháp giới thấu nhiếp cho nên luôn luôn gọi là Đồng phần.

Hỏi: Có thể có pháp cùng có tương ứng, mà có là Đồng phần, có lúc là Bỉ đồng phần chăng?

Đáp: Có, đó là vị lai không sinh khởi. Ý giới-ý thức giới đều là Bỉ đồng phần, tâm Sở pháp tương ứng với nó và tùy chuyển sắc của nó, bất tương ứng hành do Pháp giới thấu nhiếp cho nên luôn luôn gọi là Đồng phần.

